

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2020/DS-PT

Ngày: 30 - 3 - 2020

V/v tranh chấp đòi QSD đất
bị lấn chiếm (ranh giới)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Rết;

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Phụng;

Ông Nguyễn Văn Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Bà Mã Quế Khanh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2020/TLPT-DS ngày 14 tháng 01 năm 2020, về việc tranh chấp đòi quyền sử dụng đất bị lấn chiếm (ranh giới).

Do bản án dân sự sơ thẩm số 34/2019/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 35/2020/QĐ-PT ngày 11 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 59/2020/QĐPT-DS ngày 03 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông M. Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của ông M: Ông M1. Địa chỉ: ấp C3, xã B1, huyện A1, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy ủy quyền ngày 11/11/2019. (ông M1 có yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 26/3/2020)

2. Bị đơn: Ông N. Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà P. Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của bà P: Ông N. Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy ủy quyền ngày 30/10/2019. (có mặt)

4. Người làm chứng:

4.1. Ông LC. Địa chỉ: Ấp C1, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

- 4.2. Ông LC1. Địa chỉ: Ấp C1, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)
- 4.3. Ông LC2. Địa chỉ: Ấp C2, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)
- 4.4. Ông LC3. Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)
- 4.5. Bà LC4. Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)
- 4.6. Bà LC5. Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)
- 4.7. Bà LC6. Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)
- 4.8. Ông LC7. Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)
- 4.9. Bà LC8. Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)
- 4.10. Bà LC9. Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)
- 4.11. Bà LC10. Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)
5. *Người kháng cáo:* Ông M là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Nguyên đơn ông M (do ông M1 là người đại diện hợp pháp) trình bày:* Ông M có phần đất thuộc thửa số 223, tờ bản đồ số 10, diện tích 10.575m², tọa lạc tại ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng, được Ủy ban nhân dân huyện A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 18/9/1996. Giáp ranh với thửa số 223 là thửa số 189 của ông N, ông N đã lấn chiếm qua thửa số 223 với chiều ngang trước 1,5 mét, chiều ngang sau 01 mét, chiều dài khoảng 20 mét làm cho đường kênh lưu thông bị hẹp lại dẫn đến không những đi lại không được mà còn ảnh hưởng đến việc tưới, tiêu trong canh tác và việc vận chuyển hàng hóa của những người xung quanh. Nay ông M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N trả lại cho ông M phần đất lấn chiếm có chiều ngang trước 1,5 mét, chiều ngang sau 01 mét, chiều dài khoảng 20 mét (theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ diện tích là 8,2m²) thuộc thửa số 223, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

** Bị đơn ông N (đồng thời là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà P) trình bày:* Phần đất ông đang sử dụng nằm giáp ranh với đất của ông M có nguồn gốc là của ông bà nội ông cho lại cha mẹ ông. Do ông ở chung nhà với cha mẹ ông nên sau khi cha mẹ ông chết thì ông được hưởng phần đất trên và sử dụng cho đến nay. Do hoàn cảnh khó khăn nên ông chưa đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất tranh chấp nằm trong đất của ông. Do đất của ông gần đường mương nên bị lở, vợ ông là bà P có cặm khúc cây tre làm ranh đã trên 10 năm nay nhưng không ai ngăn cản hay tranh chấp gì. Nay ông không đồng ý với đơn khởi kiện của ông M.

Tại Bản án sơ thẩm số 34/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện A đã tuyên xử:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 và 4 Điều 91, khoản 2 Điều 229, khoản 1 Điều 259 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 136 Luật Đất đai; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông M về việc buộc bị đơn ông N trả lại cho nguyên đơn ông M phần đất lấn chiếm diện tích 8,2m² tại thửa số 223, tọa lạc ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. Phần đất có số đo và tứ cận như sau: Hướng đông giáp đất ông N, số đo 17,09m; Hướng tây giáp đất ông M, số đo 11,40m + 5,82m; Hướng nam giáp kênh thủy lợi, số đo 00m; Hướng bắc giáp phần đất bà LC5, số đo 00m.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, đồng thời thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/12/2019, nguyên đơn ông M có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm nêu trên, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ngày 26/3/2020, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông M không rút lại đơn khởi kiện và vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Về nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Người kháng cáo; nội dung và hình thức đơn kháng cáo; thời hạn kháng cáo là đúng theo quy định tại các điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo của nguyên đơn ông M là hợp lệ và đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, người làm chứng gồm các ông, bà LC, LC2, LC3, LC5, LC6, LC7 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt nhưng họ đều đã có lời khai trong hồ sơ vụ án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà P vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án.

[3] Phần đất tranh chấp giữa các bên trong vụ án có diện tích theo đo đạc thực tế là 8,2m² nằm tại vị trí giáp ranh giữa phần đất thuộc thửa số 223 (của nguyên đơn) với phần đất thuộc thửa số 189 (của bị đơn), đều thuộc tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. Phần đất thuộc thửa số 223 có nguồn gốc của cha mẹ nguyên đơn cho lại nguyên đơn; còn phần đất thuộc thửa số 189 có nguồn gốc của cha mẹ bị đơn cho lại bị đơn. Việc cho tặng đất diễn ra trong nội bộ gia đình nên hai bên cũng không có giấy tờ gì để chứng minh và để làm cơ sở xác định chính xác diện tích đất cụ thể của mỗi bên được cha mẹ cho tặng là bao nhiêu. Phần đất thuộc thửa số 223 nguyên đơn đang trực tiếp quản lý, sử dụng và đã được Ủy ban nhân dân huyện A cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 18/9/1996, với diện tích là 10.575m², theo hình thức cấp giấy “đại trà” chỉ căn cứ vào đơn đăng ký quyền sử dụng đất đề ngày 18/8/1996 của nguyên đơn chứ không có tiến hành đo đạc thực tế để xác định chính xác diện tích đất; còn phần đất thuộc thửa số 189 bị đơn đang trực tiếp quản lý, sử dụng và nằm một phần trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện A cấp cho bà LC5, với tổng diện tích là 3.400m². Do đó, diện tích đất theo lời trình bày của hai bên về việc được cha mẹ cho tặng đất cũng như diện tích đất thể hiện trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp không phải là căn cứ để xác định mỗi bên sử dụng đất thừa hay thiếu và xác định bị đơn có lấn chiếm đất của nguyên đơn hay không.

[4] Từ đó, việc xác định bị đơn có lấn chiếm đất của nguyên đơn hay không phải căn cứ vào quá trình thực tế sử dụng đất của các bên. Giữa đất của nguyên đơn và đất của bị đơn có một đường mương nước và phần đất tranh chấp cũng nằm trong đường mương nước này. Những người làm chứng gồm các ông, bà LC5, LC7, LC8 xác nhận đường mương nước này đã tồn tại từ rất lâu, có nguồn gốc trước đây của bà X là bà nội bị đơn và ông Y là ông ngoại bà LC4 cùng sử dụng và có cho ghe xuống của các hộ dân có đất ở phía bên trong vận chuyển hàng hóa, bị đơn đã sử dụng đường mương nước này từ trước đến nay. Còn những người làm chứng gồm các ông, bà LC4, LC1, LC10, LC9 trình bày đường mương nước này là đường mương công cộng, được các hộ dân sử dụng chung. Như vậy, căn cứ lời trình bày của những người làm chứng này tuy chưa có đủ cơ sở khẳng định đường mương nước này là đường mương công cộng nhưng đã có đủ cơ sở khẳng định đường mương nước (bao gồm phần đất tranh chấp) từ trước đến nay nguyên đơn và bị đơn đều có sử dụng. Do đó, việc nguyên đơn cho rằng toàn bộ đường mương nước này từ trước đến nay do nguyên đơn sử dụng ổn định và trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho nguyên đơn tại thửa số 223 ở cạnh giáp với phần đất của bị đơn không thể hiện có đường mương nước nên đường mương nước này thuộc quyền sử dụng đất của nguyên đơn, là không có căn cứ.

[5] Khoản 1 và khoản 2 Điều 176 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “1. Chủ sở hữu bất động sản chỉ được dựng cột mốc, hàng rào, trồng cây, xây tường ngăn trên phần đất thuộc quyền sử dụng của mình. 2. Các chủ sở hữu bất động sản liền kề có thể thỏa thuận với nhau về việc dựng cột mốc, hàng rào, trồng cây, xây tường ngăn trên ranh giới để làm mốc giới ngăn cách giữa các bất động sản; những vật mốc giới này là sở hữu chung của các chủ thể đó. Trường hợp mốc giới ngăn cách chỉ do một bên tạo nên trên ranh giới và được chủ sở hữu bất động sản liền kề đồng ý

thì mốc giới ngăn cách đó là sở hữu chung...". Theo xác nhận của những người làm chứng gồm các ông, bà LC4, LC1, LC10, LC9 thì trong quá trình sử dụng đường nương nước nêu trên bị đơn có cắm các khúc cây tre, nhưng do sau đó đất của bị đơn bị lở nên hình thành phần đường nương như hiện nay và ranh đất giữa nguyên đơn với bị đơn được xác định theo vị trí của các khúc cây tre này. Xét thấy, việc nguyên đơn và bị đơn đều có sử dụng đường nương nước và trong quá trình sử dụng bị đơn có cắm các khúc cây tre để làm ranh nhưng nguyên đơn không có ý kiến ngăn cản hay phản đối thì được xem là nguyên đơn đã thừa nhận ranh đất giữa hai bên được xác định theo vị trí của các khúc cây tre này.

[6] Hơn nữa, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ngoài lời trình bày của mình ra thì nguyên đơn không cung cấp được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn mà bị đơn đã lấn chiếm.

[7] Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi bị đơn trả lại phần đất tranh chấp là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[8] Xét kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm đã có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, thấy rằng: Về việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa các đồng sở hữu theo danh sách những người đồng sở hữu do bị đơn cung cấp gồm các ông, bà N1, N2, N3, N4, N5 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; bởi vì phần đất thuộc thửa số 189 có diện tích là 1.084,4m² tuy có nguồn gốc là của cha mẹ bị đơn để lại nhưng phần đất tranh chấp chỉ có diện tích 8,2m² tức chỉ chiếm tỷ lệ là 0,75% trên tổng diện tích đất, giả sử đây là di sản thừa kế của cha mẹ bị đơn thì việc bị đơn đại diện cho các đồng thừa kế khác đứng ra tranh chấp nhằm bảo vệ di sản thừa kế cũng không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các đồng thừa kế khác. Hơn nữa, giai đoạn phúc thẩm có tiến hành xác minh các anh chị em của bị đơn gồm các ông bà N3, N6, N7 thì những người này đều xác định là họ không có yêu cầu gì và họ đã giao cho ông bị đơn N trực tiếp quản lý, sử dụng.

Về việc Ủy ban nhân dân huyện A xác nhận thửa số 189 hiện nay do bà LC5 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà LC5 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không phải là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; bởi vì bà LC5 tuy là người đứng tên nhưng một phần của thửa số 189 bao gồm cả phần đất tranh chấp hiện do bị đơn đang quản lý, sử dụng và giữa bà LC5 và bị đơn cũng không có tranh chấp với nhau, Tòa án cấp sơ thẩm cũng xác định bà LC5 là người làm chứng trong vụ án và bà LC5 không có yêu cầu vấn đề gì, tại biên bản lấy khai bà LC5 cũng thừa nhận phần đất bị đơn đang quản lý, sử dụng là của bị đơn, do đó việc giải quyết vụ án không ảnh hưởng đến quyền lợi và làm phát sinh nghĩa vụ đối với bà LC5, trường hợp giữa bà LC5 và bị đơn có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Các chứng cứ có trong hồ sơ đã đủ căn cứ để giải quyết vụ án, nên việc nguyên đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử khi chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ là không có căn cứ.

[9] Từ những phân tích nêu trên, toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn ông M là không có căn cứ để chấp nhận, Hội đồng xét xử quyết định căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[10] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên nguyên đơn ông M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông M. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2019/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 229, khoản 1 Điều 259 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 203 Luật Đất đai; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông M về việc buộc bị đơn ông N trả lại cho nguyên đơn ông M phần đất lấn chiếm diện tích 8,2m², tại thửa số 223, tờ bản đồ số 09, tọa lạc ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. Phần đất có số đo và tứ cận như sau:

- Hướng đông giáp đất ông N, số đo 17,09m;
- Hướng tây giáp đất ông M, số đo 11,40m + 5,82m;
- Hướng nam giáp kênh thủy lợi, số đo 00m;
- Hướng bắc giáp phần đất bà LC5, số đo 00m.

(Kèm theo mảnh trích đo địa chính, do Công ty S cung cấp).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông M phải chịu là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0009953, ngày 28/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Sóc Trăng; ông M đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông M phải chịu là 13.922.000đồng (Mười ba triệu chín trăm hai mươi hai nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 13.922.000đồng (Mười ba triệu chín trăm hai mươi hai nghìn đồng); ông M đã nộp xong chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông M phải chịu là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0000345, ngày 12/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Sóc Trăng; ông M đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

- Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự (04);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- TAND huyện A (01);
- Chi cục THADS huyện A (01);
- Lưu HSVA, VP (02);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thái Rết